TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2026/DS-ST
Ngày: 09 - 03 -2026
"V/v tranh chấp chia tài sản chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Ngọc Hà
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Tiến Dũng**
2. Ông **Trần Gia Phượng**

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Hiền - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2 - Phú Thọ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Phú thọ tham gia phiên tòa:*** Ông Ngô Duy Long - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 03 năm 2026, tại Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 2 Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2025/TLST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2025 về "Tranh chấp chia tài sản chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2025/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 25/QĐ-TA ngày 22 tháng 01 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 34/QĐ 09/2/2026 QĐ - TA giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Hồ Vinh Q, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Khu C, Phường Â, tỉnh Phú Thọ.

- Bị đơn: Ông Hồ Đức K, sinh năm 1950;

Địa chỉ: Khu C, Phường Â, tỉnh Phú Thọ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Chu Thị M, sinh năm 1952;

Địa chỉ: Khu C, Phường Â, tỉnh Phú Thọ.

2. Chị Hồ Thị V, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Thôn C, xã N, tỉnh Hưng Yên.

3. Chị Hồ Thị H, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Khu C, Phường Â, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện theo ủy quyền của chị H: Anh Hồ Vinh Q, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Khu C, Phường Â, tỉnh Phú Thọ.

4. Chị Hồ Thị Thúy M1, sinh năm 1985

Địa chỉ: Xã T, tỉnh Phú Thọ.

5. Chị Hồ Thị C, sinh năm 1977 (đã bị TAND thị xã Phú Thọ tuyên bố mất tích theo Quyết định số 04/2023/QĐST-VDS ngày 28/11/2023).

6. Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1984, hiện đang làm việc tại Đài Loan.

7. Cháu Hồ Thị Ngọc H2 (SN 2007).

8. Cháu Hồ Gia H3 (SN 2017).

Đều có địa chỉ: Khu C, Phường Â, tỉnh Phú Thọ),

Đại diện theo pháp luật cho cháu H3: Ông Hồ Vinh Q (bố đẻ cháu)

(anh Q, ông K, bà M, chị V có mặt; chị M1, chị H, chị H1, cháu H2, cháu H3 đề nghị xét xử vắng mặt; chị C vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, những lời trình bày tiếp theo tại Toà án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Hồ Vinh Q trình bày:

Gia đình anh có khối tài sản chung là: Thửa đất số 230, tờ bản đồ số 13 diện tích là 734m2 tại Khu C, xã T, thị xã P (cũ) tỉnh Phú Thọ, nay là Phường Â, tỉnh Phú Thọ. Tại thời điểm cấp GCNQSD đất, hộ khẩu gia đình anh Q gồm có: ông Hồ Đức K, sinh năm 1950; bà Chu Thị M, sinh năm 1952; chị Hồ Thị V, sinh năm 1977; chị Hồ Thị C, sinh năm 1977 (đã được tuyên bố mất tích theo Quyết định số 04/2023/QĐST-VDS ngày 28/11/2023 của TAND thị xã Phú Thọ); chị Hồ Thị H, sinh năm 1980; anh Hồ Vinh Q, sinh năm 1982; chị Hồ Thị Thúy M1, sinh năm 1985. Trên thửa đất có 01 nhà cấp 4 do ông K bà M xây dựng từ năm 1977 diện tích khoảng 80m². Năm 2017, ông K bà M xây trên đất thêm 01 nhà 02 tầng cho chị gái Hồ Thị H diện tích khoảng 100m². Năm 2018, ông K bà M xây trên đất thêm 01 nhà 02 tầng cho anh diện tích khoảng 100m². Tất cả các thành viên trong hộ gia đình đều xác định thửa đất số 230, tờ bản đồ số 13 tại Khu C, xã T, thị xã P, tỉnh Phú Thọ, nay là Phường Â, tỉnh Phú Thọ là tài sản chung của hộ gia đình, nhưng do chị Hồ Thị C đã mất tích từ trên 20 năm nay nên gia đình anh Q không thực hiện phân chia tài sản chung được. Vì vậy anh đề nghị Tòa án giải quyết chia tài sản chung hộ gia đình là thửa đất số 230, tờ bản đồ số 13, có diện tích 734 m2 tại Khu C, xã T, thị xã P, tỉnh Phú Thọ, nay là Phường Â, tỉnh Phú Thọ cho tất cả các thành viên trong hộ gia đình.

Tại buổi xem xét thẩm định tại chỗ, thửa đất trên thực tế hiện trạng có diện tích là 702.9m^2 (giảm so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp), anh Q đồng ý với kết quả đo đạc và đề nghị Tòa án chia tài sản chung trên diện tích đất thực tế bởi gia đình anh đã sử dụng đất từ lâu, có tường bao quanh xác định ranh giới với các hộ liền kề, không có tranh chấp.

Anh Q có quan điểm đề nghị Tòa án chia đều thửa đất trên cho các thành viên trong hộ gia đình, đảm bảo thực tế hiện trạng sử dụng, cụ thể:

Cho anh phần diện tích đất có công trình nhà ở của gia đình anh ở phía bên phải thửa đất (nhìn từ trong ra đường giao thông), bố mẹ anh là ông K bà M sẽ nhận phần diện tích đất có công trình nhà cấp 4 ở cuối thửa đất; giao cho chị H phần diện tích đất đã có công trình nhà ở của gia đình chị H ở phía bên trái thửa đất (nhìn từ trong ra đường giao thông). Đối với phần diện tích đất trống còn lại ở giữa thửa đất, đề nghị chia đều cho chị M1 và chị V. Đối với chị C hiện đang mất tích, anh đề nghị các thành viên trong gia đình có trách nhiệm thanh toán phần của chị C bằng tiền và tạm giao cho ông K bà M tạm giữ số tiền này.

Tại bản tự khai và những lời trình bày tiếp theo tại Tòa án bị đơn Ông Hồ Đức K trình bày:

Ông K nhất trí với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Q, ông đề nghị Tòa án giải quyết chia tài sản chung hộ gia đình là thửa đất số 230, tờ bản đồ số 13 có diện tích đất thực tế là 702,9m2 tại Khu C, xã T, thị xã P, tỉnh Phú Thọ, nay là Phường Â, tỉnh Phú Thọ cho các thành viên trong hộ gia đình, phù hợp với hiện trạng sử dụng đất. Cụ thể như sau:

Đề nghị Tòa án chia cho vợ chồng ông và bà Chu Thị Minh P diện tích đất có công trình nhà cấp 4 đã xây từ năm 1977 của ông bà; giao cho anh Q phần diện tích đất đã có công trình nhà ở của anh Q ở phía bên phải thửa đất (nhìn từ trong ra đường giao thông); giao cho chị H phần diện tích đất đã có công trình nhà ở của gia đình chị H ở phía bên trái thửa đất (nhìn từ trong ra đường giao thông). Đối với phần diện tích đất trống còn lại ở giữa thửa đất, đề nghị chia đều cho chị M1 và chị V. Đối với chị C hiện đang mất tích, các thành viên trong hộ gia đình phải thanh toán phần của chị C bằng tiền và giao cho ông và bà M tạm giữ số tiền này trong thời gian chị C vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Chu Thị M, chị Hồ Thị Thúy M1, chị Chu Thị V1 trình bày:

Bà M, chị V1, chị M1 nhất trí với toàn bộ lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của anh Q, đề nghị Tòa án giải quyết chia tài sản chung hộ gia đình là thửa đất số 230, tờ bản đồ số 13 diện tích đất đo đạc thực tế 702.9m2 tại Khu C, xã T, thị xã P, tỉnh Phú Thọ, nay là Phường Â, tỉnh Phú Thọ cho các thành viên trong hộ gia đình, đồng thời đảm bảo việc sử dụng đất thực tế, cụ thể:

Chia cho bà M và chồng là ông K nhận phần diện tích đất hiện đã có công trình nhà cấp 4 đã xây từ năm 1977 của ông bà; giao cho anh Q phần diện tích đất đã có công trình nhà ở của anh Q ở phía bên phải thửa đất (nhìn từ trong ra đường giao thông); giao cho chị H phần diện tích đất đã có công trình nhà ở của gia đình chị H ở phía bên trái thửa đất (nhìn từ trong ra đường giao thông). Đối với phần diện tích đất trống còn lại ở giữa thửa đất, đề nghị chia đều cho chị M1 và chị V1. Đối với chị C hiện đang mất tích, các thành viên trong hộ gia đình thanh toán phần của chị C bằng tiền, ông K và bà M sẽ có trách nhiệm tạm giữ số tiền trên cho chị C trong thời gian chị C vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của chị H người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Hồ Vinh Q: Cũng nhất trí với toàn bộ lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của anh Q, đề nghị Tòa án giải quyết chia tài sản chung hộ gia đình là thửa đất số 230, tờ bản đồ số 13 diện tích đất đo đạc thực tế 702.9m2 tại Khu C, xã T, thị xã P, tỉnh Phú Thọ, nay là Phường Â, tỉnh Phú Thọ cho các thành viên trong hộ gia đình, đồng thời đảm bảo việc sử dụng đất thực tế, cụ thể:

Chia cho bà M và chồng là ông K nhận phần diện tích đất hiện đã có công trình nhà cấp 4 đã xây từ năm 1977 của ông bà; giao cho anh Q phần diện tích đất đã có công trình nhà ở của anh Q ở phía bên phải thửa đất (nhìn từ trong ra đường giao thông); giao cho chị H phần diện tích đất đã có công trình nhà ở của gia đình chị H ở phía bên trái thửa đất (nhìn từ trong ra đường giao thông). Đối với phần diện tích đất trống còn lại ở giữa thửa đất, đề nghị chia đều cho chị M1 và chị V1. Đối với chị C hiện đang mất tích, các thành viên trong hộ gia đình thanh toán phần của chị C bằng tiền, ông K và bà M sẽ có trách nhiệm tạm giữ số tiền trên cho chị C trong thời gian chị C vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1984 cùng 2 con là Hồ Thị Ngọc H2 (SN 2007) và Hồ Gia H3 (SN 2017) là vợ và các con của anh Q trình bày:

Chị H1 là vợ của anh Q. Năm 2018, anh chị xây nhà trên đất của bố mẹ chồng là ông K, bà M (thửa 230 tờ bản đồ số 13) và sống tại ngôi nhà này. Khi anh chị làm nhà, bố mẹ chồng chỉ nói cho bằng miệng chứ không có giấy tờ tặng cho đất. Ngôi nhà này là tài sản của vợ chồng tôi, không phải tài sản chung của hộ gia đình ông K do vậy không đề nghị giải quyết. Nay chị đồng ý với quan điểm của anh Q về việc giải quyết vụ án chị không có ý kiến gì. Hiện nay chị đang đi làm tại Đài Loan chị xin vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc, phiên xét xử vụ án.

Các cháu Hồ Thị Ngọc H2 và Hồ Gia H3 đều đồng ý với quan điểm của bố mẹ là anh Q và chị H1 không có ý kiến gì,

Tòa án tiến hành xác minh tại UBND phường Â: Thửa đất số 230 tờ bản đồ số 13, diện tích 734m^2 tại khu E, phường T (nay là phường Â), tỉnh Phú Thọ được vợ chồng ông Hồ Đức K sử dụng ổn định lâu dài từ trước năm 1993. Đến năm 1997, thực hiện chủ trương kê khai cấp GCNQSDĐ, ông K đã thực hiện kê khai và được UBND thị xã P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 21/9/2000 cho hộ gia đình ông K đối với thửa đất trên.

*** Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản**.

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản như sau:

- Theo GCNQSDĐ, thửa đất số 230, tờ bản đồ số 13 tại khu C, xã T, thị xã P (nay là phường Â, tỉnh Phú Thọ) có diện tích 734m^2. Diện tích đo đạc thực tế là 702.9m^2. Trị giá : 1.504.350.000đồng.

- Vị trí thửa đất (nhìn từ trong ra):

+ Phía trước giáp đường đi của xóm.

+ Phía bên phải giáp thửa đất hộ ông Phạm Văn Q1 (con trai bà Lê Thị T).

+ Phía sau giáp hộ ông Lê Cảnh T1.

+ Phía bên trái giáp thửa đất hộ ông Tạ Quốc V2.

Thửa đất có tường rào bao quanh sử dụng ổn định, không có tranh chấp về ranh giới với các hộ giáp ranh.

- Về tài sản trên đất:

+ Cuối thửa đất có 01 ngôi nhà cấp 4 ba gian, do hộ ông Hồ Đức K xây năm 1977, sửa chữa năm 2000, diện tích 71.1m^2. Phía bên trái nhà có khu vực bếp kèm mái tôn chống nóng 8.4m^2. Phía trước nhà có 01 sân lát gạch đỏ 30x30cm, 01 cổng 2 cánh bằng sắt lợp mái tôn, 02 trụ bằng gạch 71.3m^2

+ Phía bên phải thửa đất: 01 ngôi nhà 2 tầng đổ mái bằng do anh Hồ Vinh Q xây dựng năm 2018, có diện tích 97.2m^2 + 01 sân gạch đỏ trước nhà lợp mái tôn chống nóng phía trên 82.3m^2+ 01 cổng sắt kèm hai trụ cổng gạch.

+ Phía bên trái thửa đất: 01 ngôi nhà 2 tầng đổ mái bằng kèm 01 bếp xây liền cuối nhà có diện tích 84.2m^2 do chị Hồ Thị H xây dựng năm 2018+ 01 sân trước nhà lợp mái tôn phía trên 19m^2+ 01 cổng sắt kèm 2 trụ gạch.

Các đương sự chỉ yêu cầu hội đồng định giá, định giá đất không yêu cầu định giá tài sản trên đất.

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Phú Thọ có quan điểm giải quyết vụ án như sau:**

Về tố tụng: Vụ án được thụ lý đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng.

Căn cứ vào Điều 26 BLTTDS năm 2015; Điều 35 Luật sửa đổi , bổ sung một số Điều của bộ luật tố tụng dân sự năm 2025; khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 69, 219 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 25 Điều 3 và Điều 220 Luật Đất đai số 31/2024/QH15; Quyết định số 116/2026/QĐ-UBND ngày 01/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh P; Điểm đ Điều 12, Điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy đinh về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Hồ Vinh Q.

Xác định thửa đất số 230, tờ bản đồ số 13 tại Khu C, phường Â, tỉnh Phú Thọ, diện tích thực tế 702,9m² (gồm 300m² đất ở và 402,9m² đất vườn), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q194436 do UBND thị xã P cấp ngày 21/9/2000 cho "hộ ông Hồ Đức K" là tài sản chung của các thành viên hộ gia đình gồm: ông Hồ Đức K, bà Chu Thị M, chị Hồ Thị V, chị Hồ Thị C, chị Hồ Thị H, anh Hồ Vinh Q và chị Hồ Thị Thúy M1. Tổng giá trị quyền sử dụng đất là 1.504.350.000 đồng. Phần giá trị mỗi người được hưởng là 214.907.143 đồng.

Chia quyền sử dụng đất cụ thể như sau:

+ Giao cho chị Hồ Thị H được quyền sử dụng phần đất ký hiệu S1 có diện tích 133,6m² (50m² đất ở, 83,6m² đất vườn), giá trị quyền sử dụng đất được hưởng là 275.400.000 đồng (trên đất có nhà ở của gia đình chị H). Chị Hồ Thị H có trách nhiệm thanh toán cho chị Hồ Thị C số tiền 60.492.857 đồng.

+ Giao cho chị Hồ Thị Thúy M1 được quyền sử dụng phần đất ký hiệu S2, diện tích 100,2m² (50m² đất ở, 50,2m² đất vườn). Giá trị quyền sử dụng đất được hưởng là 225.300.000 đồng.

Chị Hồ Thị Thúy M1 có trách nhiệm thanh toán cho chị Hồ Thị C số tiền 10.392.857 đồng.

+ Giao cho chị Hồ Thị V được quyền sử dụng phần đất ký hiệu S3, diện tích 103m² (50m² đất ở, 53m² đất vườn). Giá trị quyền sử dụng đất được hưởng là 229.500.000 đồng.

Chị Hồ Thị V có trách nhiệm thanh toán cho chị Hồ Thị C số tiền 14.592.857 đồng.

+ Giao cho anh H4 Vinh Quang được quyền sử dụng phần đất ký hiệu S4, diện tích 179,4m² (50m² đất ở, 129,4m² đất vườn), giá trị quyền sử dụng đất được hưởng là 344.100.000 đồng (trên đất có nhà ở của gia đình anh Q).

Anh Hồ Vinh Q có trách nhiệm thanh toán cho chị Hồ Thị C số tiền 129.192.857 đồng.

+ Giao cho ông Hồ Đức K và bà Chu Thị M được quyền sử dụng chung phần đất ký hiệu S5, diện tích 186,7m² (100m² đất ở, 86,7m² đất vườn), giá trị quyền sử dụng đất được hưởng là 430.050.000 đồng (trên đất có nhà cấp 4 xây dựng từ năm 1977).

Ông Hồ Đức K và bà Chu Thị M có trách nhiệm thanh toán cho chị Hồ Thị C số tiền 235.714 đồng.

(Vị trí, ranh giới, diện tích cụ thể của từng phần đất được xác định theo sơ đồ đo đạc hiện trạng thửa đất).

Tổng số tiền các đương sự phải thanh toán tương ứng phần quyền lợi của chị Hồ Thị C là 214.907.143 đồng giao cho ông Hồ Đức K và bà Chu Thị M quản lý theo quy định của pháp luật về quản lý tài sản của người bị tuyên bố mất tích, cho đến khi có quyết định khác của Tòa án có thẩm quyền.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, các đương sự có trách nhiệm liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thủ tục tách thửa, đăng ký biến động quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3.Về chi phí tố tụng: Xác nhận nguyên đơn anh Q đã nộp và tự nguyện chịu toàn bộ chi phí thẩm định, định giá tài sản là 9.500.000đ.

+ Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Về quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án đây là tranh chấp chia tài sản chung của hộ gia đình, tài sản là quyền sử dụng đất tại khu C, phường Â, tỉnh Phú Thọ và bị đơn có địa chỉ tại khu C, phường Â, tỉnh Phú Thọ do vậy căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025 thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc TAND khu vực 2, Phú Thọ.

Quá trình giải quyết vụ án:

Phiên tòa ngày 09/01/2026, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Hồ Thị C đã được Tòa án niêm yết hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định hoãn phiên tòa.

Phiên tòa ngày 09/02/2026, nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin hoãn phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa ngày 09/3/2026, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị M1, chị cháu H2, cháu H3 có đơn xin xét xử vắng mặt; chị H1 hiện đang ở Đài Loan Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng hợp lệ theo quy định của pháp luật, chị H1 có quan điểm tống đạt các văn bản tố tụng thông qua chồng chị là anh Q và chị đề nghị xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt những người này. Đối với chị C (đã được tuyên bố mất tích theo QĐ số 04/2023/QĐST-VDS ngày 28/11/2023 của TAND thị xã Phú Thọ) Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tổ tụng hợp lệ theo quy định, chị C vắng mặt lần 2 do vậy Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt đối với chị C.

[2]. *Về nội dung*:

Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q194436 do UBND thị xã P cấp ngày 21/9/2000 cho hộ ông Hồ Đức K, thửa đất số 230, tờ bản đồ số 13 có diện tích 734m2 (300m2 đất ở, 434m2 đất vườn). Kết quả xác minh tại UBND phường Â và Công an xã T (nay là Công an phường Â1) thể hiện thửa đất do vợ chồng ông Hồ Đức K, bà Chu Thị M sử dụng ổn định từ trước năm 1993; năm 1997 thực hiện kê khai và được cấp Giấy chứng nhận năm 2000 đứng tên hộ ông Hồ Đức K.

Theo quy định tại khoản 25 Điều 3 Luật Đất đai số quy định hộ gia đình sử dụng đất như sau:

+ Các thành viên có quan hệ hôn nhân, quan hệ huyết thống, quan hệ nuôi dưỡng (cha nuôi, mẹ nuôi với con nuôi,…).

+ Đang sống chung tại thời điểm được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất, nhận chuyển quyền sử dụng đất.

+ Có quyền sử dụng đất chung bằng các hình thức như: Cùng nhau đóng góp (góp tiền mua chung,…) hoặc cùng nhau tạo lập (cùng nhau khai hoang đất…) để có quyền sử dụng đất chung hoặc được tặng cho chung, thừa kế chung,…

Căn cứ văn bản xác minh, cung cấp thông tin của Ủy ban nhân dân phường Â và Công an xã T (nay là Công an phường Â1); lời khai của nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, có đủ cơ sở xác định thửa đất trên có nguồn gốc do ông cha để lại, được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Hồ Đức K vào năm 2000. Tại thời điểm được cấp Giấy chứng nhận, hộ ông Hồ Đức K gồm các thành viên: ông Hồ Đức K, bà Chu Thị M cùng các con là chị Hồ Thị V, chị Hồ Thị C, chị Hồ Thị H, anh Hồ Vinh Q và chị Hồ Thị Thúy M1; ngoài những người trên không có ai khác có quan hệ hôn nhân, huyết thống hoặc nuôi dưỡng cùng chung sống trên thửa đất. Các thành viên này đều có quan hệ gia đình, cùng chung sống tại thời điểm được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất, đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án, tất cả các đương sự đều thống nhất xác định thửa đất là tài sản chung của hộ gia đình và đề nghị Tòa án xem xét chia cho tất cả các thành viên trong hộ gia đình theo quy định của pháp luật. Do đó, có đủ căn cứ pháp lý xác định thửa đất số 230 là tài sản chung của hộ gia đình ông Hồ Đức K, thuộc quyền sử dụng chung của các thành viên nêu trên.

Về diện tích thực tế và hiện trạng sử dụng:

Theo kết quả thẩm định tại chỗ ngày 09/12/2025, diện tích thực tế của thửa đất là 702,9m2 (giảm so với diện tích ghi trong Giấy chứng nhận). Thửa đất có tường bao, ranh giới ổn định, không tranh chấp với các hộ liền kề. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 2, Phú Thọ đã tiến hành xác minh tại UBND phường Â xác định thửa đất trên đã sử dụng ổn định lâu dài từ trước năm 1993, có ranh giới ổn định được xây dựng tường bao xung quanh. Các đương sự

đều nhất trí đề nghị chia tài sản chung theo hiện trạng và diện tích đất thực tế gia đình đang sử dụng và không có ý kiến gì khác.

Đối với tài sản trên đất: Trên thửa đất gồm có:

- 01 nhà cấp IV do ông K, bà M xây dựng từ năm 1977;
- 01 nhà 02 tầng do anh Hồ Vinh Q xây dựng năm 2018;
- 01 nhà 02 tầng do chị Hồ Thị H xây dựng năm 2018; cùng các công trình phụ trợ.

Các đương sự không yêu cầu định giá, không có tranh chấp về quyền sở hữu đối với các công trình này và đều xác định đây là tài sản riêng của chị H, anh Q, ông K và bà M, không phải tài sản chung của hộ gia đình không đề nghị phân chia. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét phân chia công trình xây dựng mà chỉ xem xét phân chia quyền sử dụng đất theo yêu cầu khởi kiện và đề nghị của các đương sự.

Về giá trị quyền sử dụng đất: Theo kết quả định giá tài sản xác định Đất ở 3.000.000đ/m^2; đất vườn: 1.500.000đ/m^2. Như vậy giá trị quyền sử dụng đất tại thửa 230 tờ bản đồ số 13 diện tích thực tế 702.9 m^2 (300m^2 đất ở, 402.9m^2 đất vườn) nêu trên có giá trị là 300m^2 x 3.000.000đ/m^2 + 402.9 m^2 x 1.500.000đ/m^2 = 1.504.350.000đ.

Về cách thức chia tài sản chung:

Theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 220 Luật đất đai năm 2024 quy định về điều kiện tách thửa đất như sau: Thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; còn thời hạn sử dụng đất; không có tranh chấp, không bị kê biên để bảo đảm thi hành án, không bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; thửa đất sau khi được tách thửa phải đảm bảo có lối đi, cấp nước, thoát nước, kết nối với đường giao thông. Ngoài ra, các thửa đất sau khi tách thửa phải bảo đảm diện tích tối thiểu với loại đất đang sử dụng theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; trường hợp thửa đất được tách có diện tích nhỏ hơn diện tích tối thiểu được phép tách thửa thì phải thực hiện đồng thời việc hợp thửa với thửa đất liền kề; trường hợp phân chia quyền sử dụng đất theo bản án, quyết định của Tòa án mà việc phân chia không bảo đảm các điều kiện, diện tích, kích thước tách thửa theo quy định thì không thực hiện tách thửa.

Dẫn chiếu với quy định tại khoản 3 Điều 11 Quyết định 116/2026/QĐ-UBND ngày 01/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh P quy định cụ thể một số điều của Luật Đất đai và một số Nghị định trong lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh P thì đối với đất ở đô thị: ***diện tích tối thiểu 50m², chiều rộng cạnh tiếp giáp đường (lối đi) của thửa đất tối thiểu là 3,5m và chiều sâu thửa đất tối thiểu là 04m***; trường hợp thửa đất hình thành sau tách thửa của cá nhân, hộ gia đình là thửa đất bao gồm đất ở và các loại đất khác không phải là đất ở thì phần diện tích đất ở phải đảm bảo điều kiện theo quy định này.

Trong vụ án này, cả nguyên đơn, bị đơn, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (trừ chị Hồ Thị C không có quan điểm) đều đề nghị Toà án chia tài sản chung cho tất cả các thành viên trong hộ gia đình, đồng thời mong muốn được nhận tài sản bằng hiện vật. Xét thấy, thửa đất số 230, tờ bản đồ số 13 tại Khu C, Phường Â, tỉnh Phú Thọ có tổng diện tích 702.9 m², trong đó có 300 m² đất ở, 402.9 m² đất vườn; đây là tài sản chung của 07 thành viên hộ gia đình ông Hồ Đức K. Nếu chia thửa đất nêu trên thành 07 phần bằng hiện vật tương ứng với quyền lợi của từng thành viên hộ gia đình thì sẽ không bảo đảm điều kiện tách thửa theo quy định của pháp luật về đất đai, do diện tích đất ở của thửa đất chỉ có 300 m² trong khi đó theo quy định của UBND tỉnh P về diện tích tối thiểu được phép tách thửa đối với đất ở đô thị là 50m^2, việc chia thửa đất thành 07 phần sẽ làm cho diện tích đất ở của mỗi phần (300/7=42.85m^2) không đạt diện tích tối thiểu, vi phạm quy định của pháp luật đất đai hiện hành.

Mặt khác, thực tế chị C đã mất tích từ lâu, theo trình bày của gia đình thì chị C bỏ đi khỏi nhà từ năm 2000 đến nay không về, gia đình không có thông tin, không liên lạc được; bản thân chị C không trực tiếp quản lý, sử dụng đất trong suốt thời gian trên; TAND thị xã Phú Thọ đã tuyên bố mất tích đối với chị C theo Quyết định số 04/2023/QĐST-VDS ngày 28/11/2023. Việc chia hiện vật cho chị C không những không đảm bảo điều kiện tách thửa, mà còn gây khó khăn cho công tác quản lý, sử dụng đất; khó khăn trong việc thực hiện thủ tục hành chính tách thửa cũng như công tác thi hành án sau này. Các đương sự đều thống nhất thanh toán giá trị phần tài sản của chị Hồ Thị C bằng tiền và tạm giao số tiền này cho ông Hồ Đức K và bà Chu Thị M, xét thấy việc này phù hợp với quy định tại Điều 219 Bộ luật Dân sự năm 2015, đồng thời bảo đảm quyền lợi hợp pháp của người bị tuyên bố mất tích theo Điều 69 Bộ luật Dân sự năm 2015, không trái pháp luật, nên cần được chấp nhận.

Phần giá trị tài sản (bằng tiền) tương ứng mà mỗi người được nhận là 1.504.350.000đ/7 = 214.907.143đ (Hai trăm mười bốn triệu chín trăm linh bảy nghìn một trăm bốn mươi ba đồng).

Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn anh Hồ Vinh Q và quan điểm của bị đơn ông Hồ Đức K, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Chu Thị M, chị Hồ Thị Thúy M1, chị Hồ Thị H và chị Hồ Thị V đều có ý kiến chia tài sản chung hộ gia đình theo hiện trạng sử dụng đất và thanh toán phần chênh lệch tài sản cho chị C, cụ thể như sau:

- Giao cho chị Hồ Thị H phần đất có diện tích 133.6m2 ký hiệu S1 có chỉ giới 6,7,8,9,10,11,12,13,25,24,6 theo bản trích đo hiện trạng sử dụng đất ngày 09/12/2025 do Công ty cổ phần X bảo phát đo đạc, trên đất có nhà ở của chị H; trong đó đất ở 50m2, đất vườn 83.6m2. Giá trị tài sản được hưởng là 275.400.000đ. Chị H có trách nhiệm thanh toán lại cho chị Hồ Thị C số tiền tương ứng là 60.492.857đ.

- Giao cho chị Hồ Thị Thúy M1 phần đất có diện tích 100.2m2 ký hiệu S2 có chỉ giới 5A,5,6,24,23,5A theo bản trích đo hiện trạng sử dụng đất ngày 09/12/2025 do Công ty cổ phần X bảo phát đo đạc; Trong đó đất ở 50m2, đất vườn 50.2m2. Giá trị tài sản được hưởng là 225.300.000đ. Chị M1 có trách nhiệm thanh toán lại cho chị Hồ Thị C số tiền tương ứng là 10.392.857đ.

- Giao cho chị Hồ Thị Vũ P1 đất có diện tích 103m2 ký kiệu S3 có chỉ giới 4,5A,23,22,21,20,4 theo bản trích đo hiện trạng sử dụng đất ngày 09/12/2025 do Công ty cổ phần X bảo phát đo đạc. Trong đó đất ở 50m2, đất vườn 53m2. Giá trị tài sản được hưởng là 229.500.000đ. Chị M1 có trách nhiệm thanh toán lại cho chị Hồ Thị C số tiền tương ứng là 14.592.857đ.

- Giao cho anh Hồ Vinh Q phần diện tích đất 179.4m2 ký hiệu S4 có chỉ giới 1,2,3,4,20,21,22,18.19,1 theo bản trích đo hiện trạng sử dụng đất ngày 09/12/2025 do Công ty cổ phần X bảo phát đo đạc; trên đất có nhà ở của gia đình anh Q; trong đó 50m2 đất ở và 129.4m2 đất vườn. Giá trị tài sản được hưởng là 344.100.000đ. Anh Q có trách nhiệm thanh toán lại cho chị Hồ Thị C số tiền tương ứng là 129.192.857đ.

- Giao cho ông Hồ Đức K và bà Chu Thị M có quyền sử dụng chung phần đất có diện tích 186.7m2 ký hiệu S5 có chỉ giới 13,14,15,16,17,18,22,23,24,25,13. theo bản trích đo hiện trạng sử dụng đất ngày 09/12/2025 do Công ty cổ phần X bảo phát đo đạc; trên đất có nhà cấp 4 xây dựng từ năm 1977; trong đó đất ở 100m2, đất vườn 86.7m2. Giá trị tài sản được hưởng là 430.050.000đ. Ông K, bà M có trách nhiệm thanh toán lại cho chị Hồ Thị C số tiền tương ứng là 235.714đ.

Do chị Hồ Thị C đã bị Tòa án tuyên bố mất tích nên phần giá trị tài sản mà chị C được hưởng được thanh toán bằng tiền do những người sở hữu chung có nghĩa vụ thực hiện. Số tiền này tạm giao cho ông Hồ Đức K và bà Chu Thị M là bố mẹ đẻ của chị C quản lý theo quy định của pháp luật về quản lý tài sản của người bị tuyên bố mất tích là phù hợp.

Xét thấy, quan điểm trên của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, được xác lập trên cơ sở xem xét đầy đủ công sức đóng góp của từng người, phù hợp với nhu cầu sử dụng đất thực tế, đảm bảo tính ổn định, lâu dài, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các thành viên hộ gia đình; đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý, sử dụng đất và thi hành án trên thực tế, hạn chế phát sinh tranh chấp mới; đồng thời đảm bảo đúng quy định của Luật đất đai và Quyết định của UBND tỉnh P về điều kiện tách thửa do vậy cần chấp nhận.

[3] *Về chi phí tố tụng*: Nguyên đơn anh Q đã nộp tạm ứng và tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản là 9.500.000đ do vậy Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của đương sự.

[4] *Về án phí*: Anh Q, chị V, chị H, chị M1 và chị C mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị phần tài sản được hưởng.

Ông K và bà M đều là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản mà mình được hưởng theo quy định.

Đối với phần án phí dân sự sơ thẩm của chị C, ông K và bà M tự nguyện chịu thay nên ghi nhận sự tự nguyện này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26 BLTTDS năm 2015; Điều 35 Luật sửa đổi,bổ sung một số Điều của bộ luật tố tụng dân sự năm 2025; khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 69, 219 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 25 Điều 3 và Điều 220 Luật Đất đai số 31/2024/QH15; Quyết định số 116/2026/QĐ-UBND ngày 01/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh P; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy đinh về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia tài sản chung là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 230, tờ bản đồ số 13 có diện tích 702,9m2 (300m2 đất ở, 402,9 m2 đất vườn) tại khu C, phường Â, tỉnh Phú Thọ của hộ gia đình ông Hồ Đức K:

- Giao cho chị Hồ Thị H phần đất có diện tích 133.6m2 (trong đó đất ở 50m2, đất vườn 83.6m2) ký hiệu S1 có chỉ giới 6,7,8,9,10,11,12,13,25,24,6 theo bản trích đo hiện trạng sử dụng đất ngày 09/12/2025 do Công ty cổ phần X1 đo đạc, giá trị tài sản là 275.400.000đ (Hai trăm bảy mươi năm triệu bốn trăm nghìn đồng) (trên đất có nhà ở 02 tầng của chị H). Chị H có trách nhiệm thanh toán lại cho chị Hồ Thị C số tiền tương ứng là 60.492.857đ(Sáu mươi triệu bốn trăm chín mươi hai nghìn tám trăm năm bảy đồng)

- Giao cho chị Hồ Thị Thúy M1 phần đất có diện tích 100.2m2 (trong đó đất ở 50m2, đất vườn 50.2m2) ký hiệu S2 có chỉ giới 5A,5,6,24,23,5A theo bản trích đo hiện trạng sử dụng đất ngày 09/12/2025 do Công ty cổ phần X1 đo đạc, giá trị tài sản là 225.300.000đ (Hai trăm hai mươi lăm triệu ba trăm nghìn đồng). Chị M1 có trách nhiệm thanh toán lại cho chị Hồ Thị C số tiền tương ứng là 10.392.857đ(mười triệu ba trăm chín mươi hai nghìn tám trăm năm bảy đồng)

- Giao cho chị Hồ Thị Vũ P1 đất có diện tích 103m2 (trong đó đất ở 50m2, đất vườn 53m2) ký kiệu S3 có chỉ giới 4,5A,23,22,21,20,4 theo bản trích đo hiện trạng sử dụng đất ngày 09/12/2025 do Công ty cổ phần X1 đo đạc, giá trị tài sản là 229.500.000đ(hai trăm hai mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng) Chị M1 có trách nhiệm thanh toán lại cho chị Hồ Thị C số tiền tương ứng là 14.592.857đ(mười bốn triệu năm trăm chín mươi hai nghìn tám trăm năm bảy đồng)

- Giao cho anh Hồ Vinh Q phần diện tích đất 179.4m2 (trong đó 50m2 đất ở và 129.4m2 đất vườn) ký hiệu S4 có chỉ giới 1,2,3,4,20,21,22,18.19,1 theo bản trích đo hiện trạng sử dụng đất ngày 09/12/2025 do Công ty cổ phần X1 đo đạc, giá trị tài sản là 344.100.000đ (ba trăm bốn mươi bốn triệu một trăm nghìn đồng) (trên đất có nhà ở 02 tầng của gia đình anh Q). Anh Q có trách nhiệm thanh toán lại cho chị Hồ Thị C số tiền tương ứng là 129.192.857đ(một trăm hai mươi chín triệu một trăm chín mươi hai nghìn tám trăm năm bảy đồng)

- Giao cho ông Hồ Đức K và bà Chu Thị M có quyền sử dụng chung phần đất có diện tích 186.7m2 (trong đó đất ở 100m2, đất vườn 86.7m2) ký hiệu S5 có chỉ giới 13,14,15,16,17,18,22,23,24,25,13 theo bản trích đo hiện trạng sử dụng đất ngày 09/12/2025 do Công ty cổ phần X1 đo đạc, giá trị tài sản là 430.050.000đ (bốn trăm ba mươi triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) (trên đất có nhà cấp 4 của ông K, bà M). Ông K và bà M có trách nhiệm thanh toán cho chị C số tiền chênh lệch là 235.714 đồng.

(Vị trí, ranh giới, diện tích cụ thể của từng phần đất được xác định theo sơ đồ đo đạc hiện trạng thửa đất kèm theo Bản án).

Tổng số tiền do những người sở hữu chung có trách nhiệm thanh toán tương ứng với phần giá trị tài sản mà chị Hồ Thị C được hưởng là 214.907.143 đồng (Hai trăm mười bốn triệu chín trăm linh bảy nghìn một trăm bốn ba đồng) ; số tiền này tạm giao cho ông Hồ Đức K và bà Chu Thị M quản lý theo quy định của pháp luật trong thời gian chị C vắng mặt.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, các đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thủ tục tách thửa, đăng ký biến động quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2.Về chi phí tố tụng: Anh Q tự nguyện nộp toàn bộ chi phí thẩm định, định giá tài sản là 9.500.000đ (Chín triệu năm trăm nghìn đồng)

3. Án phí dân sự sơ thẩm; Chị Hồ Thị V, chị Hồ Thị H, chị Hồ Thị Thúy M1 và anh Hồ Vinh Q, mỗi người phải chịu 10.745.357 đồng (Mười triệu bảy trăm bốn mươi năm nghìn ba trăm năm bảy đồng). Xác nhận anh Q đã nộp 300.000đ(ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí,lệ phí Tòa án số 0004091 ngày 22/10/2025, anh Q còn phải nộp số tiền 10.445.357đồng (mười triệu bốn trăm bốn mươi năm nghìn ba trăm năm bảy đồng)

Ông K và bà M là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Ông K, bà M có trách nhiệm nộp thay phần án phí dân sự sơ thẩm của chị Hồ Thị C là 10.745.357 đồng (Mười triệu bảy trăm bốn mươi năm nghìn ba trăm năm bảy đồng)

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày giao hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm. Đương sự cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án là 01 tháng, kể từ ngày bản án, quyết định được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án, quyết định được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND Khu vực 2 – Phú Thọ.
- Tòa án nhân dân tỉnh Phú thọ.
-Thi hành án DS tỉnh Phú Thọ
-Lưu hồ sơ (2 bản);
-Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Ngọc Hà

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đơn đề nghị

Kính gửi: Tòa án nhân dân khu vực 2 – phú T2

Chúng tôi là: Hồ Đức K, sinh năm 1950; Chu Thị M, sinh năm 1952; Hồ Thị V, sinh năm 1977; Hồ Thị H, sinh năm 1980; Hồ V, sinh năm 1982; Hồ Thị Thúy M1, sinh năm 1985.

Là nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án " Tranh chấp chia tài sản chung"

Ông bà Khải minh có tài sàn là Thửa đất số 230, tờ bản đồ số 13 tại Khu C, xã T, thị xã P, tỉnh Phú Thọ, nay là Phường Â, tỉnh Phú Thọ, trong đó có 300m² đất ở, 434m² đất vườn. Thửa đất được cấp GCNQSD đất số Q194436 do UBND thị xã P cấp ngày 21/9/2000 cho hộ ông Hồ Đức K. Sau khi tòa án tiến hành đo đạc thẩm định tại chỗ diện tích đất còn là 702,9 m2. Quan điểm của chúng tôi đều nhất trí đề nghị Tòa án chia theo diện tích thực tế là 702,9m2 không có ý kiến gì, nhất trí chia theo quan điểm của anh Q là nguyên đơn: chia cho anh Q phần diện tích đất có công trình nhà ở của gia đình anh ở phía bên phải thửa đất (nhìn từ trong ra đường giao thông), bố mẹ anh là ông K bà M sẽ nhận phần diện tích đất có công trình nhà cấp IV ở cuối thửa đất; giao cho chị H phần diện tích đất đã có công trình nhà ở của gia đình chị H ở phía bên trái thửa đất (nhìn từ trong ra đường giao thông). Đối với phần diện tích đất trống còn lại ở giữa thửa đất, đề nghị chia đều cho chị M1 và chị V. Đối với chị C hiện đang mất tích, anh đề nghị các thành viên trong gia đình thanh toán phần của chị C bằng tiền và tạm giao cho ông K bà M tạm giữ số tiền này.

Phú thọ, ngày tháng năm

Người viết đơn

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Đơn xin miễn án phí

Kính gửi: Tòa án nhân dân khu vực 2 – phú T2

Chúng tôi là: Hồ Đức K, sinh năm 1950 là bị đơn ; Chu Thị M, sinh năm 1952. Là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án " Tranh chấp chia tài sản chung" giữa Nguyên đơn: Hồ V, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Khu C, xã T, thị xã P, tỉnh Phú Thọ (nay là Phường Â, tỉnh Phú Thọ).

- Bị đơn: Hồ Đức K, sinh năm 1950;

Địa chỉ: Khu C, xã T, thị xã P, tỉnh Phú Thọ (nay là Phường Â, tỉnh Phú Thọ).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chu Thị M, sinh năm 1952;

Hồ Thị V, sinh năm 1977;

Hồ Thị H, sinh năm 1980 (ủy quyền cho anh Hồ Vinh Q);

Hồ Thị Thúy M1, sinh năm 1985;

Hồ Thị C, sinh năm 1977

Căn cứ theo quy định của pháp luật thì chúng tôi thuộc người cao tuổi vì vậy chúng tôi làm đơn này đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 2 – Phú Thọ cho chúng tôi được miễn án phí theo quy định.

Người làm đơn

Phú thọ, ngày tháng năm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**